TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 484/2024/HS-PT
Ngày: 20/6/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 462/2024/TLPT-HS, ngày 23 tháng 4 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn S, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Văn H, tên gọi khác: Không; sinh năm 1968; tại Thanh Hóa;

HKTT và chỗ ở: Phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S1 và bà Trịnh Thị C (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị Y và 05 con; con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 12/11/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại Bản án số 18/2021/HS-ST; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/9/2022.

Nhân thân:

- Năm 2001, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích";

- Năm 2010, bị Công an huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc;

- Năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc";

- Năm 2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

- Năm 2019, bị Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T; có mặt.

2. Nguyễn Văn S, tên gọi khác: Không; sinh năm 1992; tại Thanh Hóa;

HKTT và chỗ ở: Khu phố P, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lê Thị M; có vợ Nguyễn Thị B và 03 con; con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản";

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T, có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:* Ông Ngọ Tiến Đ, Luật sư Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S:* Ông Nguyễn Hữu G, Luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T, có mặt.

** Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo:* Khương Văn D, Phạm Văn T1, Nguyễn Thế V không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 10/5/2023, tại khu vực K, quốc lộ B thuộc địa phận thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn S và Khương Văn D tàng trữ 01 (một) túi nilon màu đen, bên trong có 01 túi nilon màu trắng chứa chất cục bột màu trắng (nghi là H1); Nguyễn Văn S và Khương Văn D khai nhận, số ma túy trên mang về bán cho Nguyễn Văn H. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định số 1808/KL-PC09 ngày 15/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: 01 (một) túi nilon màu đen bên trong có 01 túi nilon

màu trắng chứa chất cục bột màu trắng có khối lượng 67,325 gam là ma túy loại Heroine.

Cơ quan điều tra triệu tập Nguyễn Văn H đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, H đã có đơn xin đầu thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Văn S. Ngoài ra, H còn khai nhận vào rạng sáng ngày 24/3/2023, H đã mua 03 chỉ ma túy loại Heroine của Phạm Văn T1, và người đưa ma túy cho H là Nguyễn Thế V.

Ngày 14/5/2023, Cơ quan điều tra thực hiện khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T1, đã thu giữ của T1 01 (một) gói nilon bên trong đựng chất dẻo màu nâu. Tại cơ quan điều tra, T1 có đơn xin đầu thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Văn H ngày 24/3/2023 và khai nhận số thuốc phiện trên được Lê Hồng L, ở phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cho trước đó khoảng 04 tuần, mục đích để sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định số: 1871/PC09 ngày 18/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh T: 01(một) gói nilon bên trong đựng chất dẻo màu nâu có khối lượng 3,359 gam là ma túy loại Thuốc phiện.

Quá trình điều tra xác định được:

Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn H có quen biết với nhau từ trước. Do đó, H đã liên lạc với S qua số điện thoại 0357566132 đặt vấn đề nhờ S mua cho H 2 đến 3 cây Heroine, mục đích để bán. S đồng ý, nếu có S sẽ báo lại. Sau đó, S đến khu vực K, thuộc xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa gặp một người nam giới dân tộc Mông (không rõ họ tên, địa chỉ) hỏi mua ma túy thì được người này cho biết giá 20.000.000đ/01 cây Heroine. S gọi điện báo cho H biết đã tìm được chỗ mua ma túy và báo giá cho H 35.000.000đ/01 cây và phải chuyển đủ tiền thì S sẽ mang xuống tận nhà. H đồng ý và nhiều lần chuyển tiền cho S, cụ thể: Ngày 18/4/2023, H chuyển vào tài khoản số 0369642699 của Nguyễn Văn S tại Ngân hàng M2 10.000.000đ (mười triệu đồng); ngày 24/4/2023, H chuyển tiếp vào tài khoản cho S 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); ngày 04/5/2023, H nhờ bạn gái là Lê Thị O sử dụng số tài khoản của O chuyển đến tài khoản M2 của S số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); ngày 05/5/2023, H sử dụng tài khoản của mình chuyển đến tài khoản của S hai lần, số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng). Tổng cộng số tiền S nhận của H để mua ma túy là 42.700.000đ (bốn mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng). Ngày 08/5/2023, S tiếp tục đi lên gặp người nam giới dân tộc Mông để hỏi có ma túy hay chưa thì được người này trả lời hiện tại người này chỉ còn khoảng 1,7 - 1,8 cây Heroine nếu S đồng ý thì bán với giá 37.000.000đ (ba bảy triệu đồng). S đã gọi điện cho H thông báo trong ngày 10/5/2023 sẽ có ma túy, yêu cầu H chuyển tiếp số tiền còn lại và S đã đưa số tài khoản của chị Vi Thị H2, ở thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để H chuyển tiền cho S (là người làm dịch vụ nhận tiền qua tài khoản sau đó trả tiền mặt cho S và S trả công cho H2 50.000đ). H nhờ bạn gái là Lê Thị O ra bưu điện chuyển số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) cho S vào tài khoản của H2 và chuyển vào tài khoản của S số tiền 5.000.000đ (năm

triệu đồng). Tổng cộng số tiền S nhận của H để mua ma túy là 67.700.000đ (sáu mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng). Đối với số tiền mua ma túy còn thiếu, S và H thống nhất, khi nào S giao ma túy, H sẽ thanh toán bằng tiền mặt.

Sau đó, Nguyễn Văn S, đã liên lạc với Khương Văn D hẹn sáng ngày 10/5/2023 lên đón S ở thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa về T. Để D có tiền mua xăng, S đã chuyển khoản cho D 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng). Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/5/2023, Khương Văn D lên đến K thị trấn Q, tỉnh Thanh Hóa để đón S. Khi gặp D, S nói với D chở S lên Km79 thuộc xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để mua ma túy, bán lấy được tiền thì sẽ có tiền đi đám cưới bạn ở T. D đồng ý nhận lời rồi chở S đi mua ma túy. Đến nơi, S nói với D để S một mình đi xe máy lên đồi mua ma túy. Sau khi mua được ma túy, S giơ lên cho D xem và đưa xe máy cho D điều khiển, trên đường đi S nói cho D biết mang ma túy về bán cho H ở thành phố T. Khi D và S đi về đến khu vực K, quốc lộ B thuộc địa phận thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, H còn khai nhận khoảng ngày 23/3/2023, H một mình đi xe máy nhãn hiệu Exciter BKS 36B2-550.70 đến nhà Phạm Văn T1, đặt vấn đề nhờ T1 mua khoảng 3 đến 5 chỉ Heroine để bán. T1 đồng ý nhận lời và hẹn với H khi nào có hàng sẽ liên lạc lại. Sau đó, T1 tìm gặp một người tên T2 (không rõ họ, tên và địa chỉ cụ thể), trước đây có thời gian làm lái xe cho nhà xe H4, hỏi mua 3-5 chỉ Heroine. Đến khoảng 18 giờ ngày 23/3/2023, T2 đi xe máy mang 03 chỉ ma túy H3 đến bán cho T1 với giá tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), T2 để số ma túy này dưới gốc cây sấu trước nhà T1 ở số F D, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng 19 giờ ngày 23/3/2023, T1 bảo Nguyễn Thế V lấy điện thoại của T1 liên hệ với H để giao 03 chỉ ma túy trên. V đã dùng điện thoại của T1 thông báo cho H biết đã có ma túy và hỏi địa điểm H nhận ma túy và giao tiền để V mang ma túy tới. H thống nhất nhận ma túy vào khoảng 05 giờ sáng ngày 24/3/2023 tại đèn xanh, đèn đỏ trên đoạn đường tránh thuộc phường Đ, thành phố T, còn tiền mua ma túy thì để H bán có tiền rồi sẽ chuyển lại cho T1 sau. Khoảng 05 giờ sáng ngày 24/3/2023, T1 chỉ cho V gói ma túy (03 chỉ heroin) đã đặt sẵn ở gốc cây sấu trước nhà, để V lấy mang đến cho H. Số ma túy này, H đem về nhà cất giấu và đã bán hết. Ngày 26/3/2023, Phạm Văn T1 đến nhà, H đã đưa tiền mặt tổng số là 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) cho T1 để thanh toán tiền mua ma túy trên.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 15/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (17/5/2023) và phạt tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (10/5/2023) và phạt tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án, xử lý vật chứng, buộc nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/3/2023 bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 27/3/2024 bị cáo Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Các bị cáo trình bày:

Bị cáo Nguyễn Văn H trình bày: Bị cáo thừa nhận có mua 03 chỉ ma túy của Phạm Văn T1 và 04 chỉ ma túy của Nguyễn Văn S; số ma túy còn lại khi bị bắt quả tang S, D đang vận chuyển bị cáo không biết, không liên quan. Đối với số tiền bị cáo chuyển cho Nguyễn Văn S là do bị cáo S vay của bị cáo và số tiền 17.700.000đ bị cáo chuyển cho Nguyễn Văn S để mua 04 chỉ Heroine; tại cơ quan Điều tra bị cáo tuy có nhận tội nhưng do bị ép cung; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn S trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã mô tả; Bị cáo và Nguyễn Văn H quen biết nhau từ trước, nên H đặt vấn đề mua ma túy với bị cáo, toàn bộ số tiền H chuyển cho bị cáo 67.700.000đ là để mua ma túy; số ma túy bị cáo bị bắt giữ là do bị cáo cùng Khương Văn D mua đang trên đường chuyển về giao cho Nguyễn Văn H thì bị bắt giữ. Mức hình phạt 17 năm tù là quá nghiêm khắc; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mất sớm, mẹ già yếu thường xuyên bị đau ốm, bị cáo có 03 con còn nhỏ; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động với gia đình nộp toàn bộ số tiền truy thu, tiền phạt bổ sung và án phí, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án và kết luận:

- Về tố tụng: Các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định; kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định và phù hợp về hình thức nên được chấp nhận để xem xét.

- Về nội dung kháng cáo của các bị cáo: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy cấp sơ thẩm xét xử, quy kết các bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là có căn cứ, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội, phân hóa đúng vai trò của các bị cáo; đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ đó xử phạt các bị cáo mức án như bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H không đưa ra được căn cứ nào chứng minh

bị cáo bị oan. Tuy nhiên, bị cáo H mua của Phạm Văn T1 03 chỉ nên khối lượng chỉ là 09 gam, Tòa án cấp sơ thẩm quy đổi 03 chỉ thành 11,25 gam là chưa đúng, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo đối với khối lượng chất ma túy mà bị cáo mua của Phạm Văn T1, nhưng với mức hình phạt như bản án sơ thẩm xử đối với bị cáo là phù hợp, không cao, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Văn S sau khi bị bắt bị cáo đã tự giác khai ra đồng phạm là Nguyễn Văn H và tích cực hợp tác với cơ quan Điều tra để điều tra vụ án, xử lý đối với Nguyễn Văn H; sau khi xét xử sơ thẩm đã tác động với gia đình nộp toàn bộ số tiền truy thu, tiền phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm; đây là những tình tiết giảm nhẹ mới chưa được áp dụng, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm đối với bị cáo H, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo S.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H trình bày: Mức hình phạt như bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn H là chưa phù hợp; bị cáo chỉ thừa nhận mua của Phạm Văn T1 03 chỉ; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai báo thành khẩn, đã nhận mua của Nguyễn Văn S 04 chỉ Horoine; bị cáo trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, có anh trai được tặng huân chương. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S trình bày: Không có ý kiến gì về tội danh. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện đã nộp số tiền truy thu, tiền phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm; bị cáo có công tố giác tội phạm; có bố đẻ, bố mẹ vợ được tặng huân chương, gia đình có thân nhân là Lê Thị T3 là liệt sỹ và Lê Ngọc V1 là thương binh; đây là những tình tiết mới chưa được áp dụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của các bị cáo, các Luật sư, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mặc dù tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H cho rằng bị cáo viết đơn xin đầu thú, cũng như khai nhận hành vi phạm tội là do bị đánh đập, ép cung buộc bị cáo phải khai nhận, nhưng bị cáo không xuất trình được chứng cứ để chứng minh, tại giai đoạn sơ thẩm bị cáo cũng không có khiếu nại gì về hành vi tố tụng. Căn cứ đơn xin đầu thú có trong

hồ sơ vụ án, nội dung đơn phù hợp với khai nhận tội ban đầu của bị cáo, nên việc các cơ quan tố tụng ở cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Văn H đã có đơn đầu thú là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H không thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết; bị cáo chỉ thừa nhận có mua ma túy của Nguyễn Văn S 04 chỉ với số tiền 17.700.000đ và mua của Phạm Văn T1 03 chỉ với số tiền 13.500.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã mô tả và quy kết. Trong đó bị cáo S khai nhận Nguyễn Văn H đã nhiều lần chuyển tiền cho bị cáo để mua ma túy; số ma túy bị bắt giữ quả tang là do bị cáo H chuyển tiền bảo bị cáo mua và đang trên đường chuyển về giao cho bị cáo H thì bị bắt giữ. Lời khai của bị cáo S tại phiên tòa phúc thẩm thấy phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, như: Tài liệu trích xuất lịch sử cuộc gọi điện thoại của Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn H, sao kê tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn H, các tài khoản Ngân hàng đã chuyển tiền cho Nguyễn Văn S; phù hợp với một số lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn H trong quá trình điều tra. Đặc biệt là biên bản bắt người phạm tội quả tang, đơn xin đầu thú của bị cáo H và các kết luận giám định. Do đó, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để khẳng định: Nguyễn Văn H đã trao đổi với Nguyễn Văn S để S mua 67,325 gam ma túy loại Heroine mang về bán cho H và H đã chuyển khoản cho S nhiều lần tổng số tiền 67.700.000đ. Ngoài ra, Nguyễn Văn H còn mua của Phạm Văn T1 03 chỉ heroine với số tiền 13.500.000đ vào ngày 24/3/2023. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo với tội danh nêu trên theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan.

[3] Hành mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn S là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý chất ma túy của nhà nước; xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; ma túy là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm, cũng như là mầm mống của các căn bệnh xã hội; các bị cáo tuy nhận thức được nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do tổng khối lượng chất ma túy các bị cáo mua bán trên 30 gam nhưng dưới 100 gam và đều là ma túy loại Heroine, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn S thấy: Như đã phân tích ở trên thì các bị cáo không bị oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, xác định đúng khối lượng ma tuý của từng bị cáo tham gia phạm tội, đã phân hóa đúng vai trò phạm tội của từng bị cáo trong vụ án cũng như xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; như: Bị cáo Nguyễn Văn H là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử bằng những hình phạt

nghiêm khác, trong đó có cùng loại tội phạm, ngày 12/11/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đến ngày 27/9/2022 bị cáo mới chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm; bị cáo Nguyễn Văn H tự thú về hành vi mua bán trái phép ma túy Heroine với Phạm Văn T1 và Nguyễn Thế V ngày 24/3/2023, bị cáo có anh trai là Nguyễn Đức V2 được tặng huân chương chiến công hạng nhất; nhưng với khối lượng ma túy bị cáo tham gia mua bán là rất lớn, nên cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm là có căn cứ. Đối với bị cáo Nguyễn Văn S sau khi bị bắt bị cáo đã khai ra đồng phạm là Nguyễn Văn H, tích cực hợp tác với cơ quan Điều tra để điều tra trong việc phát hiện tội phạm; quá trình điều tra và tại các phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn ăn hối cải; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động với gia đình nộp số tiền truy thu là 30.700.000đ, tiền phạt bổ sung 5.000.000đ và tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có thân nhân là Lê Thị T3 là liệt sỹ, có bác ruột Lê Ngọc V1 là thương binh; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới chưa được cấp sơ thẩm áp dụng, nên cần áp dụng dụng cho bị cáo. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải; đại diện Viện kiểm sát cũng như người bào chữa cho bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo để giảm cho bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ. Do gia đình bị cáo S đã nộp số tiền phạt bổ sung, tiền truy thu và án phí sơ thẩm nên cần ghi nhận cho bị cáo.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật; bị cáo Nguyễn Văn S được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa; cụ thể: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (17/5/2023) và phạt tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (10/5/2023) và phạt tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn S đã nộp đủ số tiền 30.700.000đ là tiền truy thu, 5.000.000đ là tiền phạt bổ sung và 200.000đ là tiền án phí sơ thẩm theo các biên lai thu tiền số 0000142 ngày 12/6/2024 và số 0000201 ngày 17/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Văn S không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS cấp cao Hà Nội;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại Tạm giam tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THA HS, Công an Thanh Hóa;
- Toà án tỉnh Thanh Hóa (02 bản);
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm